

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng, liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 190 /TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000).

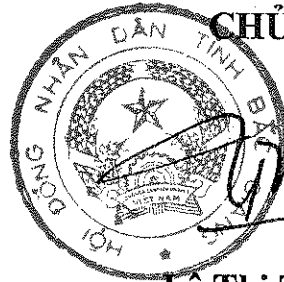
(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 11 thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Xây dựng, Công thương, Kế hoạch và ĐT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)

2. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu.

a) Vị trí khu đất, ranh giới:

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Mai Đình và xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

b) Quy mô đồ án: khoảng 222ha.

3. Tính chất.

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường.

Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ ...

4. Quy hoạch sử dụng đất.

Tổng diện tích KCN khoảng 222ha, gồm:

- + Đất dịch vụ $\leq 2,05$ % diện tích lập quy hoạch KCN
- + Đất nhà máy, kho tàng $\leq 67,70$ % diện tích lập quy hoạch KCN
- + Đất hạ tầng kỹ thuật $\geq 1,60$ % diện tích lập quy hoạch KCN
- + Đất cây xanh, mặt nước $\geq 16,34$ % diện tích lập quy hoạch KCN
- + Đất giao thông, bãi đỗ xe $\geq 12,31$ % diện tích lập quy hoạch KCN

5. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

Khu vực cảnh quan trung tâm điểm nhấn: Là các khu vực nhà điều hành, dịch vụ, nơi cung cấp các dịch vụ như: trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm, trung tâm y tế, trung tâm đào tạo, cơ sở lưu trú,... phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp tại các lô đất DV-01, DV-02 với tổng diện tích khoảng 4,55 ha. Tầng cao tối đa 7 tầng, mật độ xây dựng tối đa 50%.

- Khu vực cảnh quan công nghiệp: Toàn bộ các nhà máy đều hướng ra những trục đường giao thông xuyên suốt, đảm bảo không gian kiến trúc và thuận tiện cho việc phối kết kiến trúc toàn khu. Không gian kiến trúc rất đa dạng theo chức năng sử dụng của từng nhà máy, xí nghiệp nhưng được thống nhất bởi sự phối kết kiến trúc của toàn khu công nghiệp trên các trục đường chính. Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định. Khu vực xây dựng nhà máy, xí nghiệp hoàn toàn đảm bảo khoảng cách an toàn với các yếu tố hiện trạng giáp ranh giới quy hoạch.

- Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật... tại lô đất CN-01, CN-02 với diện tích 14,9ha.

- Khu vực cây xanh kết hợp với cây xanh dọc các tuyến đường và cây xanh hành lang cách ly xung quanh dự án tạo nên các mảng xanh cảnh quan cho khu công nghiệp, hạn chế giảm thiểu các vấn đề gây ô nhiễm môi trường. Thiết kế hệ thống mương hở bao quanh dự án để thu nước mặt trong dự án và các khu vực lân cận. Ngoài ra hệ thống kênh mương này cũng đóng vai trò như hàng rào mềm của khu công nghiệp. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%.

- Khu vực đất hạ tầng kỹ thuật: Bố trí tại vị trí phía Đông Bắc (lô đất HTKT) gần khu vực trạm bơm Ngõ Khổng ra sông Cầu, bao gồm các hạng mục trạm điện, bãi tập trung chất thải rắn, trạm xử lý nước thải và các chức năng HTKT khác....Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải đảm bảo theo quy định. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật được phân bố gần nhất với nguồn cấp đồng thời có hướng tiêu thoát thuận lợi. Tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Đường giao thông: Quy hoạch mạng lưới giao thông phù hợp với định hướng của quy hoạch cấp trên. Mạng lưới đường giao thông tiếp cận dễ dàng đến từng ô đất trong khu công nghiệp

- Khu vực bãi đỗ xe tập trung: Bố trí nằm tại 02 lô đất P-01, P-02 khu vực phía Bắc giáp với tuyến đường quy hoạch 40m và giáp ngay công vào Khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 3,96ha, thuận lợi cho các phương tiện chở hàng hóa và xe đưa đón công nhân, tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Khoảng lùi xây dựng: Trong mỗi lô đất xây dựng công trình phải bố trí khoảng lùi xây dựng tối thiểu từ 3,5m đến 6m (phía giáp đường giao thông tối thiểu 6m, các vị trí còn lại 3,5m).

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

** Hệ thống giao thông:*

- Đường đối ngoại: Đường tỉnh 295 có mặt cắt rộng 42m; Đường tỉnh lộ 295 cũ có bề rộng khoảng 6m; Đường QHC bề rộng 40m nằm về phía Bắc ranh

giới quy hoạch; Đường bê tông chạy dọc theo hướng Bắc Nam bên phía Đông khu công nghiệp có bề rộng 10m.

- Đường chính trong KCN: tốc độ thiết kế 40km/h.

+ Tuyến đường có mặt cắt 1-1: rộng 70m, trong đó lòng đường rộng 21m, mương hở ở giữa rộng 26m, hè hai bên rộng $2 \times 7m + 2 \times 4,5 = 23m$.

+ Tuyến đường có mặt cắt 2-2: rộng 54m, trong đó lòng đường rộng 22m, dải phân cách giữa rộng 18m, hè hai bên rộng $2 \times 7m = 14m$.

- Các tuyến đường nhánh: tốc độ thiết kế 20-30km/h.

+ Tuyến đường có mặt cắt 3-3: rộng 27m, trong đó lòng đường rộng 15m, hè hai bên rộng $2 \times 6m = 12m$.

+ Tuyến đường có mặt cắt 4-4: rộng 25m, trong đó lòng đường rộng 11m, hè hai bên rộng $2 \times 7m = 14m$.

+ Tuyến đường có mặt cắt 5-5: rộng 21m, trong đó lòng đường rộng 11m, hè hai bên rộng $3 + 7m = 10m$.

+ Tuyến đường có mặt cắt 6-6: rộng 21,5m, trong đó lòng đường rộng 11m, hè hai bên rộng $7 + 3,5m = 10,5m$.

- Vành dèng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 400m đến 700m bố trí một điểm vành dèng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), đảm bảo an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

* *San nền:*

- Hướng dốc chính của dự án theo hướng từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, dốc về phạm vi mương thoát nước xung quanh dự án.

Cao độ san nền KCN từ +4,56m đến +4,96m; Cao độ khống chế tim đường +4,76m. Cao độ khống chế san nền lô đất: $H_{min} = +4,56m$; $H_{max} = +4,96m$.

* *Phương án thoát nước mưa:*

- Hướng thoát nước mưa tuân thủ theo hướng dốc nền xây dựng của bản vẽ quy hoạch san nền. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; Các tuyến cống thoát nước được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền và hướng về các điểm xả gần nhất.

Xây dựng hệ thống mương hở 17 - 26m để thu gom nước mặt cho toàn dự án cũng như các khu vực lân cận. Hệ thống mương hở dẫn nước về trạm bơm Ngõ Khổng và từ trạm bơm sẽ bơm tiêu thoát nước ra hệ thống sông Cầu.

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa được đặt dưới vỉa hè, khoảng cách lùi vào để tránh va chạm với cột điện, cột đèn chiếu sáng và các công trình hạ tầng khác có trên hè.

* *Phương án cấp nước:*

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ nhà máy xử lý nước sạch của KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1, đảm bảo cung cấp đủ nước cho dự án KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2 với nhu cầu cấp nước khoảng 13.300 m³/ng.đêm;

- Mạng lưới cấp nước sạch được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh đi dọc theo các trục đường giao thông.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt, là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do cần thiết tại đầu ra của các trụ cứu hoả là không dưới 10m.

** Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Tại KCN xây dựng riêng một Trạm xử lý nước thải với quy mô và công suất của trạm xử lý nước thải khoảng 7.800m³/ng.đ.

Hệ thống thoát nước thải từ mỗi nhà máy được thu gom về Trạm xử lý nước thải, sau khi xử lý đạt chuẩn cột A Bảng 1 theo QCVN 40:2011/BTNMT mới được xả ra các tuyến mương xung quanh và thoát ra hệ thống thoát nước chung của dự án.

- Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp:

+ Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

** Giải pháp cấp điện:*

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện ngắn hạn: Dự kiến lấy từ xuất tuyến 22kV sau trạm điện 110kV Sông Cầu gần khu vực dự án đến.

+ Nguồn điện dài hạn: Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2 dự kiến sẽ được cấp điện từ trạm biến áp 110kV Hòa Phú 2 xây dựng mới, công suất điện dự kiến 3x63MVA.

+ Tổng công suất yêu cầu của khu vực làm tròn khoảng: **125MVA**

+ Ngoài ra KCN sẽ bổ sung thêm điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất khoảng **45MVA**

- Hệ thống đường dây cấp điện trung thế, hạ thế nội bộ trong KCN được hạ ngầm.

** Giải pháp thông tin liên lạc:* Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia, được xây dựng ngầm đồng thời và đồng bộ với hệ thống đường giao thông. Xây dựng các trạm BTS tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí đảm bảo tính thẩm mỹ, mỹ quan.

7. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- *Công trình*: Khu hành chính, dịch vụ, kho, nhà xưởng sản xuất;
- *Hạ tầng kỹ thuật*: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc và khu xử lý nước thải./.

